

Số: 50/2024/QĐST-LĐ

Trảng Bàng, ngày 30 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Phạm Thị Yên.

Thư ký phiên họp: bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên họp: ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 09/2023/TLST-VLĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp số 40/2024/QĐST-LĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: bà N. T. T, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố A, phường B, huyện C, tỉnh D (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Đ. T; địa chỉ: Đường số 6, Khu công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: 233 đường Nguyễn Chí Thanh, Khu phố 5, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: ông N. V. N, chức vụ: Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà T.T.T, chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội thị xã Trảng Bàng (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. Bà L. T. C, sinh năm 1960; địa chỉ: khu phố A, phường B, huyện C, tỉnh D (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong quá trình giải quyết việc lao động, người yêu cầu – bà N. T. T trình bày:

Năm 2007, bà T cho bà L. T. C mượn giấy chứng minh nhân dân của bà T để làm việc tại Công ty Đ. T có địa chỉ tại Đường số 6 Khu Công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Giữa Công ty Đ. T và bà L. T. C đã ký kết hợp đồng lao động dưới tên của bà T là N. T. T. Bà C làm

việc tại Công ty Đ. T thời gian từ tháng 7/2007 đến tháng 9/2009 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại Công ty Đ. T, bà C được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2007 đến tháng 9/2009 và được cấp sổ bảo hiểm số 4507009741 dưới tên N. T. T.

Trong khi đó, tháng 10/2004, bà T ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty KF. Bà T làm việc tại Công ty KF từ tháng 10/2004 đến tháng 6/2021 và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2004 đến tháng 6/2021 và được cấp sổ bảo hiểm xã hội lần 2 số 4505003062.

Nay bà T làm thủ tục để lãnh tiền bảo hiểm xã hội một lần thì không được do kết quả tra cứu trên hệ thống thể hiện bà T bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2007 đến tháng 9/2009. Thực tế, thời gian bị trùng từ tháng 7/2007 đến tháng 9/2009 là khoảng thời gian bà L. T. C làm việc tại Công ty Đ. T và được Công ty Đ. T tham gia bảo hiểm xã hội dưới tên bà N. T. T. Do bà T và bà C bị trùng thời gian làm việc tại 02 công ty khác nhau nhưng dưới một tên là N. T. T nên bà T không lãnh bảo hiểm xã hội được. Vì vậy, nay bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty Đ. T với bà L. T. C đứng dưới tên N. T. T vô hiệu, mục đích để bà T lãnh chế độ bảo hiểm xã hội một lần.

* Tại Quyết định số 37/QĐ-BQLKKT ngày 25/3/2013 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh đã quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư số 452043000088 cấp phép lần đầu ngày 28/01/2002; chứng nhận đăng ký lại: ngày 22/5/2008; chứng nhận thay đổi lần thứ 1: ngày 04/02/2009 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tây Ninh cấp cho Công ty Đ. T.

* Kết quả xác minh tại Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh thể hiện, Công ty Đ. T có trụ sở tại Đường số 6 Khu Công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh hiện không còn hoạt động.

Do đó, Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho Công ty Đ. T mà tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi công ty có trụ sở cuối cùng và đến nay Công ty không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu giải quyết việc lao động của bà N. T. T.

Trong quá trình giải quyết việc lao động, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L. T. C trình bày:

Bà và bà N. T. T là chòm xóm với nhau. Năm 2007, do bà đã lớn tuổi, gia đình khó khăn nên bà có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà T để đi làm tại Công ty Đ. T. Bà làm việc tại Công ty Đ. T từ tháng 7/2007 đến tháng 9/2009 và được công ty tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm xã hội là 4507009741.

Nay bà đồng ý tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà đứng dưới tên N. T. T với Công ty Đ. T là vô hiệu để bà T được lãnh tiền bảo hiểm xã hội theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh - bà T.T.T có văn bản trình bày:

Kiến nghị Tòa án Nhân dân thị xã Trảng Bàng xem xét tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà N. T. T và Công ty Đ. T vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết yêu cầu:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự và đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết việc lao động. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các điều 117, 127 Bộ luật dân sự 2015; Các điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật lao động và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng giải quyết việc lao động xem xét quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của bà N. T. T về tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà L. T. C ký kết với Công ty TNHH Công nghiệp Đài Tường dưới tên N. T. T là vô hiệu.

2. Bà N. T. T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà N. T. T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà L. T. C đứng dưới tên N. T. T và Công ty Đ. T vô hiệu. Đây là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty Đ. T có trụ sở cuối cùng tại Đường số 6, Khu công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự trên là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty Đ. T với bà L. T. C đứng dưới tên N. T. T là vô hiệu thấy rằng:

[2.1] Bà L. T. C và bà N. T. T đều thống nhất trình bày, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2007 đến tháng 9/2009 bà C có mượn chứng minh nhân dân của bà T để làm việc tại Công ty Đ. T và được công ty đóng bảo hiểm xã hội cho bà C dưới tên N. T. T từ tháng 7/2007 đến tháng 9/2009 với số sổ bảo hiểm xã hội là 4507009741.

[2.2] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội Trảng Bàng đã cung cấp quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà N. T. T, sinh năm 1972, Chứng minh nhân dân số 290498124 với mã số Bảo hiểm xã hội: 4507009741 và bà N. T. T đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần quá quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty Đ. T từ tháng 7/2007 đến tháng 9/2009. Thẻ công nhân mà bà C cung cấp cho Tòa án cũng thể hiện tên người lao động làm việc tại Công ty Đ. T là bà N. T. T. Trong khi đó, từ tháng 10/2004 đến tháng 6/2021, bà T ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty KF từ tháng 10/2004 đến tháng 6/2021 và được Công ty KF tham gia bảo hiểm xã hội với sổ sổ bảo hiểm xã hội cấp lần 2 là 4505003062.

Như vậy, việc bà C mượn chứng minh nhân dân của bà N. T. T để làm việc tại Công ty Đ. T là có thật và việc bà C mượn chứng minh nhân dân và sử dụng thông tin cá nhân của bà N. T. T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Đ. T là gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “*Trung thực*”, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật lao động nên hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật lao động.

Do đó, nay bà N. T. T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty Đ. T với bà L. T. C (do sử dụng thông tin của bà N. T. T để giao kết hợp đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà N. T. T phải chịu lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 15, 16, 49, 50, 51 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà N. T. T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà N. T. T, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố A, phường B, huyện C, tỉnh D (do bà L. T. C ký kết) với Công ty Đ. T có sổ sổ bảo hiểm xã hội là 4507009741 là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà N. T. T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027637 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng

Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận bà T đã nộp xong lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- CCTHA thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký)

Phạm Thị Yến